Phụ lục 18
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ HÒN ĐẤT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 10, 16, 17, 22, 38, 39, 40 Phụ lục 18 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL18 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	10	Đường bờ Tây kênh Tri Tôn - An Giang		
		- Từ kênh Rạch Giá Hà Tiên - Ranh xã Nam Thái Sơn cũ	610	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ kênh Rạch Giá Hà Tiên - Ranh xã Nam Thái Sơn)
2	16	Đường Nam Thái Sơn (lộ đan cũ)		
		- Từ kênh Rạch Giá - Hà Tiên - Giáp ranh xã Nam Thái Sơn cũ	792	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ kênh Rạch Giá - Hà Tiên - Giáp ranh xã Nam Thái Sơn)
3	17	Tuyến dân cư kênh 9 - Vạn Thanh		
		- Từ Cầu kênh 200 - Kênh 2	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Cầu kênh 200 - Kênh B762)

TT	Số TT PL18 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	22	Hai bên đường ven biển Rạch Giá - Hòn Đất		
		- Từ Cống Rạch Phóc đến cống Vạn Thanh	960	Sửa tên đường (Tên cũ: - Từ Cống Rạch Phóc đến Cống Hòn Sóc (Hòn Quéo))
5	38	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	396	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
6	39	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	317	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	22	Hai bên đường ven biển Rạch Giá - Hòn Đất		
		- Từ cống Vạn Thanh đến Cống Hòn Sóc (Hòn Quéo)	1.500	Bổ sung
2		Hai bên đường đấu nối tỉnh lộ 969B với đường Ven Biển Hòn Đất đi Kiên Lương (đoạn giữa cống Tà Lức và cống Lình Huỳnh)	800	Bổ sung
3		Đường bờ Tây kênh Vạn Thanh (Từ cống số 9 Vạn Thanh đến Cầu Vạn Thanh)	528	Bổ sung

TT	Số TT PL18 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
III	**HỦY BỎ**			
1	40	Các tuyến đường còn lại	270	Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL18 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1		Khu 3: Từ Kênh Số 9 đến Kênh Lình Huỳnh		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu 1: Từ Kênh Số 9 đến Kênh Lình Huỳnh)
2		Khu 4: Từ Kênh Lình Huỳnh đến kênh 10 (ranh Bình Sơn - Bình Giang)		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu 2: Từ Kênh Lình Huỳnh đến kênh 10 (ranh Bình Sơn - Bình Giang))
3		Khu 2: Từ giáp giáp Kênh Sóc Xoài - Ba Thê đến kênh Tri Tôn		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu 1: Từ giáp giáp Kênh Sóc Xoài - Ba Thê đến kênh Tri Tôn)
4		Khu 3: Từ kênh Tri Tôn đến kênh T5 xã Bình Giang (giáp Kiên Lương)		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu 2: Từ kênh Tri Tôn đến kênh T5 xã Bình Giang (giáp Kiên Lương))
II	**BỔ SUNG**			
1		Khu 2: Từ cống Tà Manh đến cầu Số 9		Bổ sung tên
a		Đất trồng cây lâu năm	80	Bổ sung
b		Đất trồng cây hàng năm	68	Bổ sung
c		Đất nuôi trồng thủy sản	29	Bổ sung
d		Đất rừng sản xuất	18	Bổ sung